

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ GIẢI TRÍ  
KIM LONG BẾN TRE

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ GIẢI TRÍ KIM LONG BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH MTV TM DV VÀ GT KIM LONG BẾN TRE

2. Mã số doanh nghiệp: 1301130491

3. Ngày thành lập: 15/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, đường 19 tháng 5, ấp Phú Thuận, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0325604196

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ bán buôn lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)                                                                                                                                                            | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>(trừ bán buôn động vật hoang dã thuộc danh mục cấm)                                                                                                                                                                                                                        | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                        | 8230     |
| 6.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8511     |
| 7.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8512     |
| 8.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8551     |
| 9.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8552     |
| 10. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép dưới mọi hình thức và kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội) | 9000     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 11. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép dưới mọi hình thức và kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội) | 9329                                                         |
| 12. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9633                                                         |
| 13. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6399                                                         |
| 14. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo pháp luật cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310                                                         |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410                                                         |
| 16. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7420                                                         |
| 17. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1410                                                         |
| 18. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811                                                         |
| 19. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1812                                                         |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5912                                                         |
| 21. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7721                                                         |
| 22. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7729                                                         |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911                                                         |
| 24. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912                                                         |
| 25. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7990                                                         |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4761                                                         |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4763(Chính)                                                  |
| 28. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép dưới mọi hình thức và kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội)                                      | 4764                                                         |
| 29. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                                                                                                              | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 25/02/1978 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083178012530

Ngày cấp: 31/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1070, ấp Hòa Thạnh A, Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1070, ấp Hòa Thạnh A, Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/02/1978 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083178012530

Ngày cấp: 31/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1070, ấp Hòa Thạnh A, Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1070, ấp Hòa Thạnh A, Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre